

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19.11.2018

V/v tranh chấp “Ly hôn.”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phan Thị Huệ.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến

2. Ông Nguyễn Xuân Tùng

- Thư ký phiên tòa: **Bà Phạm Lê Mai Ly**, Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: **Bà Trần Nhã Minh Hoàng** - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 159/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Diệp Nhã T** - sinh năm 1983

Địa chỉ: 616 đường C, phường D, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, (có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Võ Đại T1** - sinh năm 1981

Địa chỉ: số nhà 110 E, phường F, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, (vắng mặt lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/7/2018 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Diệp Nhã T trình bày:

*** Về quan hệ hôn nhân:** Bà và ông Võ Đại T1 kết hôn vào năm 2002, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại địa chỉ Lô 44B2 đường Y, phường Z, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, vợ chồng bà sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông T1 thường nhậu cùng bạn bè và cờ bạc nên giữa bà và ông T1 thường xuyên cãi vã to tiếng, ông T1 dùng bạo lực đối với bà

không có trách nhiệm, không quan tâm đến với vợ con nên trong cuộc sống cả hai luôn bất đồng quan điểm, không ai nhường nhịn ai nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không có hạnh phúc. Năm 2017 ông bà đã bán nhà tại địa chỉ Lô 44B2 đường Y, phường Z, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng và sống ly thân nhau, ông T1 về nhà chị ruột ở tại 110 Ngô Gia Tự, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, còn bà về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ đó cho đến nay. Nay do tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T1.

*** Về con chung:** Bà Trần Diệp Nhã T xác định vợ chồng có ba con chung tên: Võ Trần Gia K - sinh ngày 02 tháng 02 năm 2008, Võ Trần Gia B - sinh ngày 07 tháng 5 năm 2012, Võ Trần Gia H - sinh ngày 26 tháng 9 năm 2014.

Ly hôn, bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi ba con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

*** Về tài sản chung:** Bà Trần Diệp Nhã T xác định không có tài sản chung.

*** Về nợ chung:** Bà Trần Diệp Nhã T xác định không có nợ chung.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Võ Đại T1 không có ý kiến trình bày gửi đến Tòa án và vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Tại biên bản xác minh ngày 02.8.2018 của Tòa án tại chính quyền địa phương, tổ dân phố nơi bà T và ông T1 thường xuyên sinh sống thể hiện: Trong cuộc sống hàng ngày ở địa phương gia đình bà T và ông T1 có xảy ra cãi vã, xô xát hay to tiếng, có lần mời công an khu vực đến can thiệp.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ theo quy định tại Điều 56 và Nghị quyết số 02 ngày 23.12.2000 hướng dẫn áp dụng quy định luật Hôn nhân gia đình xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, về con chung giao 03 con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; sau khi nghe các đương sự trình bày và tranh luận công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Ông Võ Đại T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, nhưng ông T1 vẫn vắng mặt lần 2 không có lý do, nên HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T1.

[2] **Về nội dung:** Bà Trần Diệp Nhã T và ông Võ Đại T1 kết hôn vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, quận Liên

Chiều, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên cần được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tuy nhiên, xét yêu cầu ly hôn của Trần Diệp Nhã T đối với ông Võ Đại T1. Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà T thừa nhận mâu thuẫn của vợ chồng đã quá trầm trọng, bà không còn yêu thương ông T1 vì vợ chồng bà sống ly thân gần một năm nay, phần ai nấy sống không ai quan tâm đến ai dù cả hai đã cố gắng hết sức nhưng tình trạng hôn nhân vẫn không được cải thiện tốt hơn.

Đối với ông Võ Đại T1 tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa ông T1 đều vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ. Điều này chứng tỏ ông T1 không có thiện chí hòa giải để đoàn tụ, tại phiên tòa bà T vẫn cương quyết được ly hôn ông T1 không đồng ý đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông T1 đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà Trần Diệp Nhã T được ly hôn ông Võ Đại T1.

[3] **Về quan hệ con chung:** Bà Trần Diệp Nhã T xác nhận bà và ông Võ Đại T1 có 03 con chung tên: Võ Trần Gia K - sinh ngày 02 tháng 02 năm 2008, Võ Trần Gia B - sinh ngày 07 tháng 5 năm 2012, Võ Trần Gia H - sinh ngày 26 tháng 9 năm 2014.

Ly hôn, bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi ba con chung và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy: Hiện nay cháu K, cháu B và cháu H vẫn ở với bà T, được bà T nuôi dưỡng, chăm sóc rất tốt, cháu K có đơn trình bày nguyện vọng được ở với mẹ nếu ba mẹ ly hôn. Tại phiên tòa ông T1 vắng mặt nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà T, giao 03 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, hiện nay bà T làm chủ Spa thu nhập trung bình mỗi tháng 10.000.000đ (Mười triệu đồng) đảm bảo cho việc nuôi con nên bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi các con chung, Hội đồng xét xử có căn cứ nên chấp nhận.

[3] **Về tài sản chung, nợ chung:** Bà T xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung.

[4] **Về án phí:** Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ bà T phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Diệp Nhã T về việc “Ly hôn ” với ông Võ Đại T1.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Diệp Nhã T và ông Võ Đại T1

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao ba con chung tên: Võ Trần Gia K - sinh ngày 02 tháng 02 năm 2008, Võ Trần Gia B - sinh ngày 07 tháng 5 năm 2012, Võ Trần Gia H - sinh ngày 26 tháng 9 năm 2014 cho bà Trần Diệp Nhã T trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng: Ông Võ Đại T1 không phải cấp dưỡng nuôi 03 con chung.

Sau khi ly hôn, các bên đương sự vẫn có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Sau này vì quyền lợi của con chung chưa thành niên các bên đương sự vẫn có quyền yêu cầu hoặc thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác nhận không có.

4. Về án phí : Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ bà Trần Diệp Nhã T phải chịu, nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 3493 ngày 16/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng. Bà T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Diệp Nhã T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Võ Đại T1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận trích sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- UBND phường X, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Huệ

